

Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2010 và khuyến nghị cho năm 2011

LÊ QUỐC HỘI

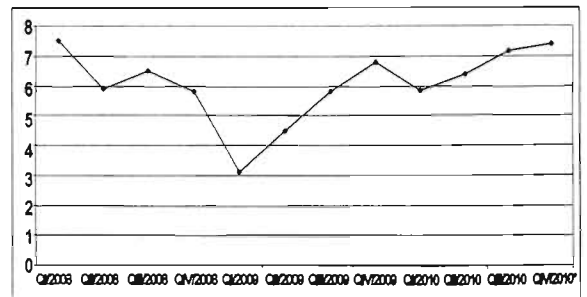
*Đ*ăm 2010, mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp, kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, bên cạnh những điểm sáng thể hiện thành tựu đạt được, nền kinh tế vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế và thách thức. Việc đánh giá, nhìn nhận lại kinh tế Việt Nam năm 2010 để rút ra những bài học, chỉ rõ những thách thức và giải pháp cho năm 2011 có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà hoạch định chính sách ở Việt Nam. Có thể tiếp cận và đánh giá một nền kinh tế từ nhiều phương diện. Trong bài viết này, bức tranh kinh tế Việt Nam được nhìn nhận từ góc độ vĩ mô dựa trên diễn biến tình hình kinh tế trong năm và các chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản.

1. Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2010

1.1. Tăng trưởng kinh tế

Năm 2010, kinh tế của Việt Nam tiếp tục có sự phục hồi nhanh chóng sau tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Hình 1 cho thấy tốc độ tăng GDP của Việt Nam theo các quý trong năm 2010 có cải thiện. Tốc độ tăng GDP quý I đạt 5,84%, quý II là 6,44%, quý III tăng 7,18% và quý IV ước đạt 7,34%. Ước tính GDP cả năm 2010 tăng 6,78%, cao hơn nhiệm vụ kế hoạch (6,5%) và cao hơn hẳn mức 5,32% của năm 2009. Trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn phục hồi chậm chạp và trong nước gặp phải nhiều khó khăn, kinh tế Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng tương đối cao như trên là một thành công. Với kết quả này tốc độ tăng trưởng GDP cả giai đoạn 2006-2010 đạt bình quân 7%/năm và thu nhập quốc dân bình quân đầu người năm 2010 ước đạt 1.160 USD.

HÌNH 1: Tăng trưởng GDP theo quý giai đoạn 2008-2010



Nguồn: Tổng cục Thống kê (* Ước tính)

Các chỉ số tăng trưởng cho các ngành cũng thể hiện một xu hướng phục hồi rõ rệt. Công nghiệp và xây dựng tiếp tục là đầu tàu của tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng 7,7% so với năm 2009 và đóng góp 3,2 điểm phần trăm vào GDP. So với khu vực công nghiệp thì khu vực dịch vụ cũng có sự phục hồi sau khủng hoảng kinh tế thế giới ở mức độ khá cao. Tốc độ tăng trưởng dịch vụ năm 2010 là 7,52% và đóng góp 3,11 điểm phần trăm vào GDP. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, năm 2010 gặp nhiều khó khăn: đầu năm hạn hán nghiêm trọng,

Lê Quốc Hội, TS., Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

giữa năm nắng nóng gay gắt, cuối năm mưa lũ lớn kéo dài ở miền Trung và Tây Nguyên. Những khó khăn này đã gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất vụ mùa, nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi. Tuy nhiên, do thực hiện nhiều chính sách và giải pháp hỗ trợ hộ nông dân và các doanh nghiệp về vốn, vật tư, tiêu thụ kịp thời, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ước cả năm 2010 tăng 2,78%, đóng góp 0,47 điểm phần trăm vào GDP.

1.2. Đầu tư

Kinh tế phục hồi là một trong những nguyên nhân quan trọng thúc đẩy đầu tư phát triển. Nguồn vốn đầu tư toàn xã hội năm 2010 đã đạt được những kết quả tích cực. Ước tính tổng đầu tư toàn xã hội năm 2010 đạt 830,3 nghìn tỷ đồng, tăng 17,1% so với năm 2009 và bằng 41,9% GDP. Trong đó, nguồn vốn đầu tư nhà nước (gồm đầu tư từ ngân sách nhà nước, nguồn trái phiếu chính phủ, nguồn tín dụng đầu tư theo kế hoạch nhà nước và nguồn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước) dẫn đầu bằng 38,1% vốn đầu tư toàn xã hội, tăng 10% so với năm 2009; nguồn vốn đầu tư của tư nhân và của dân cư bằng 36,1%, tăng 24,7% so với năm 2009. Những kết quả này cho thấy các nguồn lực trong nước được huy động tích cực hơn. Về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), năm 2010 cả nước thu hút được 969 dự án mới và có 269 dự án đăng ký vốn bổ sung, đưa tổng số vốn FDI cả năm đạt 18,6 tỷ USD, bằng 82,2% so với cùng kỳ năm 2009, trong đó vốn thực hiện ước đạt 11 tỷ USD, tăng 10%. Mặc dù vốn FDI đăng ký có thấp hơn nhiều so với năm 2009 nhưng tỷ lệ vốn thực hiện trên vốn đăng ký lại cao hơn nhiều. Đây có thể được coi là điểm sáng trong thu hút FDI năm 2010. Điều này cũng

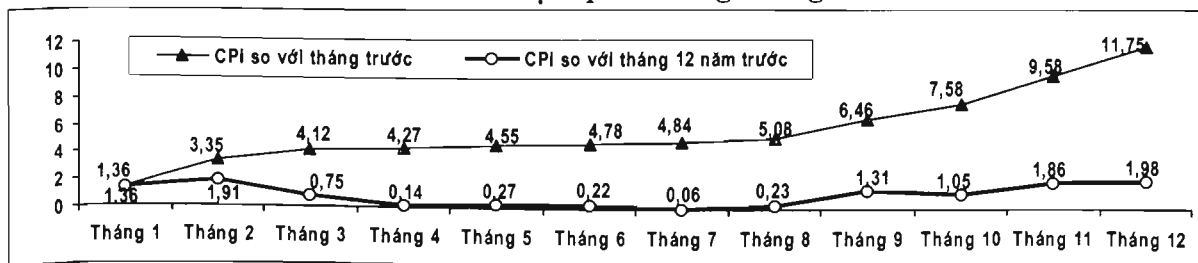
cho thấy sự cam kết lâu dài các nhà đầu tư nước ngoài ở thị trường Việt Nam.

Tốc độ tăng vốn đầu tư cao và nhanh một mặt thể hiện quan hệ tích lũy - tiêu dùng đã có sự chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, nhưng mặt khác lại cho thấy những hạn chế trong hiệu quả đầu tư. Nếu như năm 1997, chúng ta đạt được tốc độ tăng trưởng 8,2% với vốn đầu tư chỉ chiếm 28,7% GDP thì cũng với tốc độ tăng trưởng xấp xỉ như vậy năm 2007 (8,5%) chúng ta phải đầu tư tới 43,1% GDP. Đến năm 2010, trong khi tổng mức đầu tư toàn xã hội lên tới 41,9% GDP, thì tốc độ tăng trưởng lại chỉ đạt 6,78%. Chỉ số ICOR đã tăng tới mức quá cao, trên 8 so với 6,6 của năm 2008. Hệ số ICOR của doanh nghiệp và đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân chỉ có 3-4, trong khi đó ICOR của khu vực kinh tế nhà nước và từ đầu tư của nhà nước tới 9-10¹. Bên cạnh đó còn xảy ra tình trạng chậm trễ trong giải ngân nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và nguồn trái phiếu chính phủ, lãng phí, thất thoát vốn đầu tư ở tất cả các khâu của quá trình quản lý dự án đầu tư. Những đặc điểm này là đáng báo động về cả trước mắt cũng như lâu dài.

1.3. Lạm phát và giá cả

Năm 2010 lạm phát có những diễn biến phức tạp. Từ đầu năm đến cuối tháng 8 chỉ số giá tiêu dùng diễn biến theo chiều hướng ổn định ở mức tương đối thấp, trừ hai tháng đầu năm CPI ở mức cao do ảnh hưởng bởi những tháng Tết. Tuy nhiên, lạm phát đã thực sự trở thành mối lo ngại từ tháng 9 khi CPI tăng bất đầu xu hướng tăng cao. Đến hết tháng 12, chỉ số giá tiêu dùng đã tăng tới 11,75% và mục tiêu kiềm chế lạm phát cả năm dưới 8% mà Quốc hội đề ra đã không thực hiện được.

HÌNH 2: Diễn biến lạm phát hàng tháng năm 2010



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2010 và khuyến nghị cho năm 2011

LÊ QUỐC HỘI

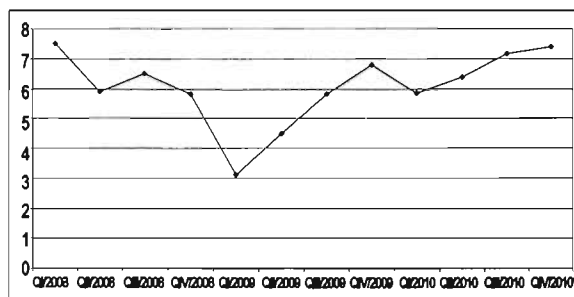
Năm 2010, mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp, kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, bên cạnh những điểm sáng thể hiện thành tựu đạt được, nền kinh tế vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế và thách thức. Việc đánh giá, nhìn nhận lại kinh tế Việt Nam năm 2010 để rút ra những bài học, chỉ rõ những thách thức và giải pháp cho năm 2011 có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà hoạch định chính sách ở Việt Nam. Có thể tiếp cận và đánh giá một nền kinh tế từ nhiều phương diện. Trong bài viết này, bức tranh kinh tế Việt Nam được nhìn nhận từ góc độ vĩ mô dựa trên diễn biến tình hình kinh tế trong năm và các chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản.

1. Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2010

1.1. Tăng trưởng kinh tế

Năm 2010, kinh tế của Việt Nam tiếp tục có sự phục hồi nhanh chóng sau tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Hình 1 cho thấy tốc độ tăng GDP của Việt Nam theo các quý trong năm 2010 có cải thiện. Tốc độ tăng GDP quý I đạt 5,84%, quý II là 6,44%, quý III tăng 7,18% và quý IV ước đạt 7,34%. Ước tính GDP cả năm 2010 tăng 6,78%, cao hơn nhiệm vụ kế hoạch (6,5%) và cao hơn hẳn mức 5,32% của năm 2009. Trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn phục hồi chậm chạp và trong nước gặp phải nhiều khó khăn, kinh tế Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng tương đối cao như trên là một thành công. Với kết quả này tốc độ tăng trưởng GDP cả giai đoạn 2006-2010 đạt bình quân 7%/năm và thu nhập quốc dân bình quân đầu người năm 2010 ước đạt 1.160 USD.

HÌNH 1: Tăng trưởng GDP theo quý giai đoạn 2008-2010



Nguồn: Tổng cục Thống kê (* Ước tính)

Các chỉ số tăng trưởng cho các ngành cũng thể hiện một xu hướng phục hồi rõ rệt. Công nghiệp và xây dựng tiếp tục là đầu tàu của tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng 7,7% so với năm 2009 và đóng góp 3,2 điểm phần trăm vào GDP. So với khu vực công nghiệp thì khu vực dịch vụ cũng có sự phục hồi sau khủng hoảng kinh tế thế giới ở mức độ khá cao. Tốc độ tăng trưởng dịch vụ năm 2010 là 7,52% và đóng góp 3,11 điểm phần trăm vào GDP. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, năm 2010 gặp nhiều khó khăn: đầu năm hạn hán nghiêm trọng,

Lê Quốc Hội, TS., Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

giữa năm nắng nóng gay gắt, cuối năm mưa lũ lớn kéo dài ở miền Trung và Tây Nguyên. Những khó khăn này đã gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất vụ mùa, nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi. Tuy nhiên, do thực hiện nhiều chính sách và giải pháp hỗ trợ hộ nông dân và các doanh nghiệp về vốn, vật tư, tiêu thụ kịp thời, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ước cả năm 2010 tăng 2,78%, đóng góp 0,47 điểm phần trăm vào GDP.

1.2. Đầu tư

Kinh tế phục hồi là một trong những nguyên nhân quan trọng thúc đẩy đầu tư phát triển. Nguồn vốn đầu tư toàn xã hội năm 2010 đã đạt được những kết quả tích cực. Ước tính tổng đầu tư toàn xã hội năm 2010 đạt 830,3 nghìn tỷ đồng, tăng 17,1% so với năm 2009 và bằng 41,9% GDP. Trong đó, nguồn vốn đầu tư nhà nước (gồm đầu tư từ ngân sách nhà nước, nguồn trái phiếu chính phủ, nguồn tín dụng đầu tư theo kế hoạch nhà nước và nguồn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước) dẫn đầu bằng 38,1% vốn đầu tư toàn xã hội, tăng 10% so với năm 2009; nguồn vốn đầu tư của tư nhân và của dân cư bằng 36,1%, tăng 24,7% so với năm 2009. Những kết quả này cho thấy các nguồn lực trong nước được huy động tích cực hơn. Về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), năm 2010 cả nước thu hút được 969 dự án mới và có 269 dự án đăng ký vốn bổ sung, đưa tổng số vốn FDI cả năm đạt 18,6 tỷ USD, bằng 82,2% so với cùng kỳ năm 2009, trong đó vốn thực hiện ước đạt 11 tỷ USD, tăng 10%. Mặc dù vốn FDI đăng ký có thấp hơn nhiều so với năm 2009 nhưng tỷ lệ vốn thực hiện trên vốn đăng ký lại cao hơn nhiều. Đây có thể được coi là điểm sáng trong thu hút FDI năm 2010. Điều này cũng

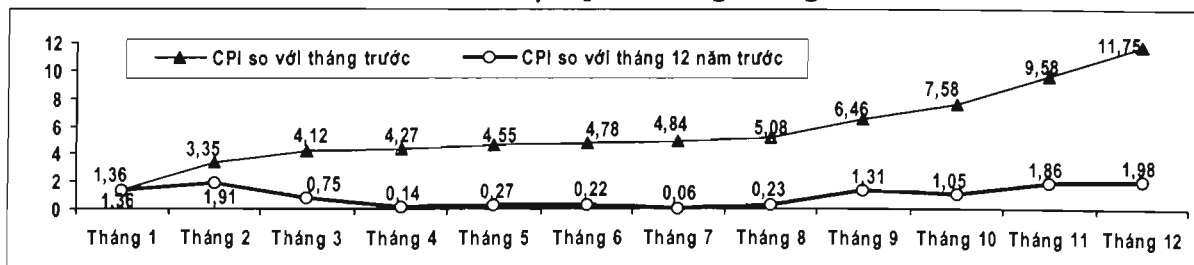
cho thấy sự cam kết lâu dài các nhà đầu tư nước ngoài ở thị trường Việt Nam.

Tốc độ tăng vốn đầu tư cao và nhanh một mặt thể hiện quan hệ tích lũy - tiêu dùng đã có sự chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, nhưng mặt khác lại cho thấy những hạn chế trong hiệu quả đầu tư. Nếu như năm 1997, chúng ta đạt được tốc độ tăng trưởng 8,2% với vốn đầu tư chỉ chiếm 28,7% GDP thì cũng với tốc độ tăng trưởng xấp xỉ như vậy năm 2007 (8,5%) chúng ta phải đầu tư tới 43,1% GDP. Đến năm 2010, trong khi tổng mức đầu tư toàn xã hội lên tới 41,9% GDP, thì tốc độ tăng trưởng lại chỉ đạt 6,78%. Chỉ số ICOR đã tăng tới mức quá cao, trên 8 so với 6,6 của năm 2008. Hệ số ICOR của doanh nghiệp và đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân chỉ có 3-4, trong khi đó ICOR của khu vực kinh tế nhà nước và từ đầu tư của nhà nước tới 9-10¹. Bên cạnh đó còn xảy ra tình trạng chậm trễ trong giải ngân nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và nguồn trái phiếu chính phủ, lãng phí, thất thoát vốn đầu tư ở tất cả các khâu của quá trình quản lý dự án đầu tư. Những đặc điểm này là đáng báo động về cả trước mắt cũng như lâu dài.

1.3. Lạm phát và giá cả

Năm 2010 lạm phát có những diễn biến phức tạp. Từ đầu năm đến cuối tháng 8 chỉ số giá tiêu dùng diễn biến theo chiều hướng ổn định ở mức tương đối thấp, trừ hai tháng đầu năm CPI ở mức cao do ảnh hưởng bởi những tháng Tết. Tuy nhiên, lạm phát đã thực sự trở thành mối lo ngại từ tháng 9 khi CPI tăng bất đầu xu hướng tăng cao. Đến hết tháng 12, chỉ số giá tiêu dùng đã tăng tới 11,75% và mục tiêu kiềm chế lạm phát cả năm dưới 8% mà Quốc hội đề ra đã không thực hiện được.

HÌNH 2: Diễn biến lạm phát hàng tháng năm 2010



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

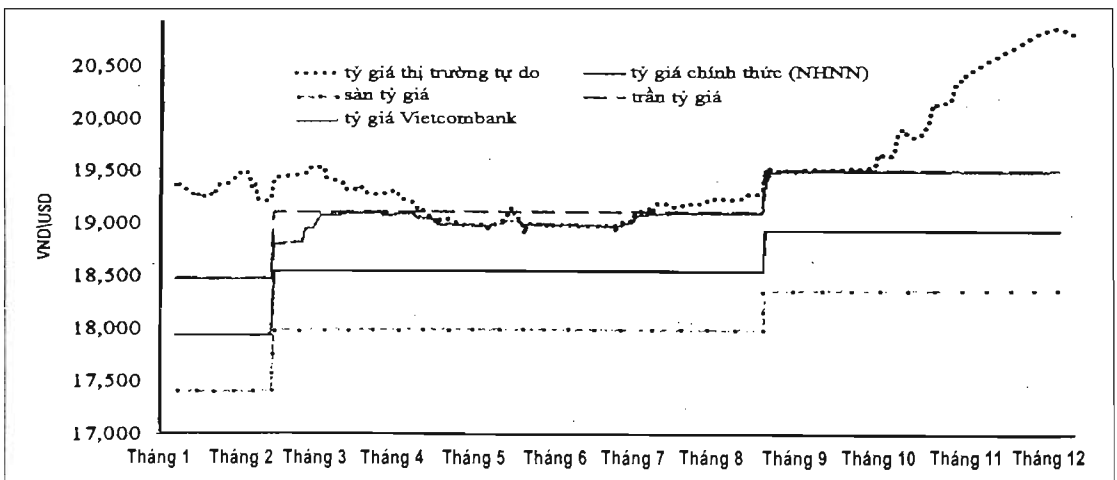
Lạm phát và giá cả của năm 2010 tăng cao xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Thứ nhất, sự phục hồi của nền kinh tế làm cho nhu cầu các loại hàng hóa dịch vụ đều tăng cao, cộng với thiên tai, lũ lụt ở các tỉnh miền Trung lại càng làm tăng nhu cầu về lương thực, thực phẩm, vật liệu xây dựng... Thứ hai, giá của một số mặt hàng nhập khẩu của nước ta trên thị trường thế giới tăng lên do sự phục hồi của kinh tế toàn cầu làm tăng chi phí sản xuất của nhiều doanh nghiệp. Thứ ba, việc điều chỉnh tỷ giá làm đồng tiền nội tệ mất giá, làm cho chi phí nhập khẩu tăng lên đẩy mặt bằng giá nhiều hàng hóa tăng theo. Bên cạnh đó những nguyên nhân cơ bản gây ra lạm phát cao ở Việt Nam những năm trước vẫn còn. Đó là sự thiếu kỷ luật tài chính trong đầu tư công và trong hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước (DNN) và tập đoàn lớn. Do vậy, kích cầu đầu tư thông qua nói lỏng tín dụng cho các DNN và tập đoàn cùng với thiếu sự thẩm

định và giám sát thận trọng cũng góp phần kích hoạt cho lạm phát trở lại. Sự điều chỉnh tăng lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước và sự gia tăng lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại ở những tháng cuối năm 2010 sẽ tiếp tục gây sức ép làm tăng lạm phát không chỉ những tháng cuối năm mà có thể cả trong năm 2011.

1.4. Tỷ giá

Trong nhiều năm trở lại đây, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) kiên trì chính sách ổn định đồng tiền Việt Nam so với đồng đô la Mỹ. Diễn biến tỷ giá trong năm 2010 là khá phức tạp. Mặc dù NHNN đã điều chỉnh nâng tỷ giá liên ngân hàng hai lần vào tháng 2 và tháng 10, khoảng cách giữa tỷ giá chính thức và tỷ giá trên thị trường tự do luôn ở mức cao. Tỷ giá chính thức có thời điểm thấp hơn tỷ giá trên thị trường tự do tới 10%. Đến cuối tháng 11 năm 2010, tỷ giá trên thị trường tự do đã đạt mức 21.500 đồng/USD.

HÌNH 3: Diễn biến tỷ giá VND/USD năm 2010



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước.

Hình 3 cho thấy về cuối năm tỷ giá càng biến động và mất giá mạnh, thị trường ngoại hối luôn có biểu hiện căng thẳng. Những bất ổn về tỷ giá có nguyên nhân sâu xa từ những bất ổn về kinh tế vĩ mô, đó là bội chi cao, nhập siêu lớn và hiệu quả đầu tư công thấp... làm cho cầu ngoại tệ luôn lớn hơn cung ngoại tệ. Bên cạnh đó, hiện tượng

đầu cơ và tâm lý cũng gây áp lực mạnh mẽ lên tỷ giá. Những bất ổn trên thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái đã tiếp tục gây ra những khó khăn cho hoạt động xuất nhập khẩu. Hơn nữa, đồng tiền mất giá còn ảnh hưởng đến lạm phát trong nước do giá hàng nhập khẩu tăng mạnh. Trong bối cảnh lạm phát có xu hướng gia tăng và tính không ổn

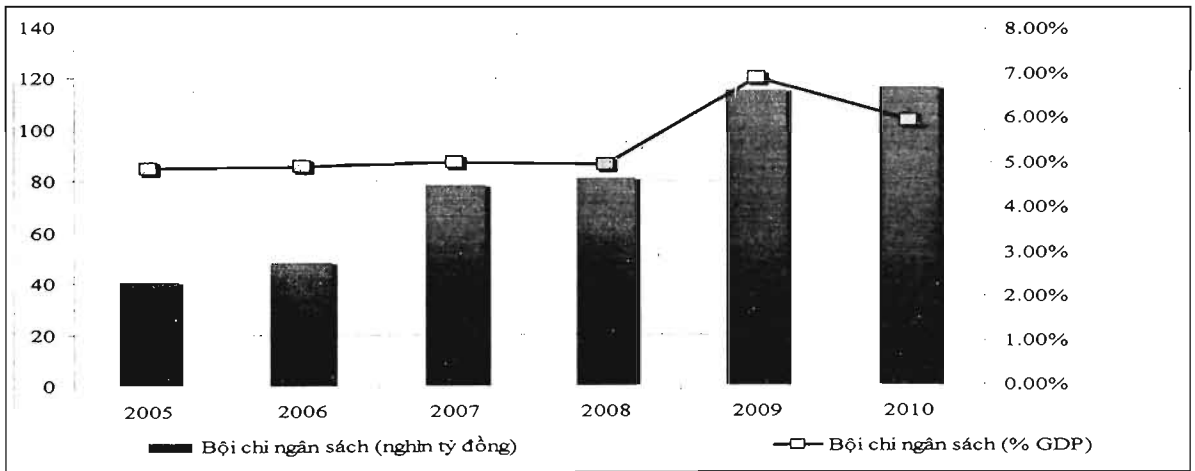
định trên thị trường tiền tệ, đòi hỏi cần phải có sự lựa chọn linh hoạt cơ chế điều hành tỷ giá để đạt được mục tiêu kiềm chế lạm phát và ổn định thị trường tiền tệ.

1.5. Thu chi ngân sách

Năm 2010, tình hình kinh tế trong nước chuyển biến tích cực đã tạo điều kiện để tăng thu ngân sách nhà nước. Thu ngân sách nhà nước năm 2010 ước đạt 520.100 tỷ đồng, vượt 12,7% so với dự toán, tăng 17,6% so với năm 2009, và đạt tỷ lệ đồng viên vào ngân sách nhà nước là 26,7%. Mặc dù tỷ trọng thu nội địa có tăng nhưng chiếm tỷ trọng không lớn (khoảng 60%). Việc chấp hành kỷ luật ngân sách không nghiêm, thất thu, gian lận, nợ đọng thuế, kể cả thuế nội địa và thuế xuất nhập khẩu còn lớn. Số nợ thuế chờ xử lý (chiếm hơn 20% tổng số nợ thuế) tăng khá nhiều. Đây là dư địa quan

trọng để tăng thu ngân sách và giữ kỷ cương luật pháp về ngân sách nhà nước. Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước ước đạt 637.200 tỷ đồng, tăng 9,4% so với dự toán và tăng 9% so với thực hiện năm 2009. Bội chi ngân sách năm 2010 ước khoảng 117.100 tỷ đồng, bằng khoảng 5,95% GDP, giảm so với năm 2009 (6,9%) và cũng giảm so với kế hoạch đề ra (6,2%). Đó là những kết quả rất đáng khích lệ trong bối cảnh nền kinh tế vừa trải qua cơn suy giảm. Tuy nhiên, bội chi ngân sách vẫn còn cao (chưa về mức dưới 5% như đã duy trì trong nhiều năm) và là một trong những nhân tố góp phần làm gia tăng lạm phát. Điều này cũng cảnh báo độ an toàn của ngân sách trong các năm tiếp theo nếu như không chủ động có các biện pháp cải cách để tạo nên tăng tăng nguồn thu cũng như tăng cường kỷ luật tài chính cho ngân sách.

HÌNH 4: Bội chi ngân sách giai đoạn 2005-2010



Nguồn: Bộ Tài chính và Báo cáo của Ủy ban Tài chính và Ngân sách của Quốc hội.

1.6. Xuất nhập khẩu và cán cân thương mại

Năm 2010, xuất nhập khẩu của Việt Nam có nhịp độ tăng trưởng đáng khích lệ trong bối cảnh kinh tế của những nước vốn là thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam như Mỹ, Nhật Bản, EU... vẫn phục hồi chậm chạp. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2010 ước đạt khoảng 71,6 tỷ USD, tăng 25,5% so với năm 2009. Xuất khẩu tăng là do sự đóng góp lớn của những mặt hàng công nghiệp chế biến cộng với sự phục hồi của kinh tế thế giới làm

cho xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản được lợi về giá. Vấn đề tồn tại lớn nhất của xuất khẩu đã bộc lộ trong nhiều năm qua là việc vẫn phụ thuộc nhiều vào các mặt hàng khoáng sản, nông, lâm, thủy, hải sản, dệt may, da giày... Hơn nữa, các mặt hàng công nghiệp chế biến vẫn mang tính chất gia công. Như vậy, xuất khẩu chủ yếu vẫn dựa vào khai thác lợi thế so sánh sẵn có, mà chưa xây dựng được các ngành công nghiệp có mối liên kết chặt chẽ với nhau để hình thành chuỗi giá trị gia tăng xuất khẩu lớn.

BẢNG 1: Xuất nhập khẩu giai đoạn 2006-2010 (tỷ USD)

Năm	2006	2007	2008	2009	Ước 2010
Xuất khẩu	39,82	48,56	62,68	56,6	70,8
Nhập khẩu	44,89	62,76	80,71	68,8	82,6
Cán cân thương mại	-5,06	-14,2	-18,02	-12,2	-11,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê và Báo cáo của Bộ Công thương.

Tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2010 ước đạt 82,6 tỷ USD, tăng 19,8% so với năm 2009. Nguyên nhân chính của sự gia tăng nhập khẩu là do kinh tế có sự phục hồi làm gia tăng nhập khẩu nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất (chiếm khoảng 80% cơ cấu nhập khẩu). Mặc dù cả kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu đều tăng, nhưng do tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu cao hơn tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu, nên nhập siêu năm 2010 giảm xuống chỉ còn khoảng 11,8 tỷ USD, chiếm 16,6% tổng kim ngạch xuất khẩu. Như vậy, so với những năm gần đây cán cân thương mại đã có sự cải thiện đáng kể, thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc kiểm chế nhập khẩu những mặt hàng không cần thiết. Song mức nhập siêu vẫn còn cao, cho thấy việc phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ và chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu vẫn còn chậm.

1.7. Cán cân thanh toán

Nếu như năm 2009, cán cân thanh toán tổng

thể thâm hụt 8,8 tỷ USD, thì năm 2010 đã có sự cải thiện đáng kể. Phần thâm hụt cán cân tài khoản vãng lai năm 2010 trên thực tế có thể được bù đắp hoàn toàn bởi thặng dư trong cán cân tài khoản vốn. Tuy nhiên, dự báo cán cân thanh toán năm 2010 vẫn thâm hụt khoảng trên 2 tỷ USD do phần “lỗi và sai sót” trong cán cân tài khoản vốn gây ra. Thực tế, tình trạng căng thẳng trên thị trường ngoại hối và việc giá vàng liên tục leo thang khiến doanh nghiệp và người dân găm giữ đôla Mỹ và vàng. Như vậy, việc bố trí lại danh mục đầu tư của doanh nghiệp và người dân sang các loại tài sản bằng ngoại tệ và vàng sẽ tiếp tục gây ra vấn đề “lỗi và sai sót” và thâm hụt trong cán cân thanh toán trong năm 2010. Bên cạnh đó, mặc dù cán cân thanh toán được cải thiện trong năm 2010, lượng dự trữ ngoại hối vẫn không tăng, một mặt do Ngân hàng Nhà nước can thiệp vào thị trường để giữ ổn định tỷ giá, mặt khác có một lượng ngoại tệ lớn đang lưu thông ngoài hệ thống ngân hàng.

BẢNG 2: Cán cân thanh toán giai đoạn 2008-2010 (tỷ USD)

	2008	2009	Ước 2010
Cán cân tài khoản vãng lai:	-11,9	-8,0	-9,0
- Cán cân thương mại	-14,2	-8,9	-10,5
- Dịch vụ phi yếu tố	-1,0	-1,2	-1,6
- Thu nhập từ đầu tư	-4,9	-4,9	-3,7
- Chuyển giao	8,1	7,0	6,7
Cán cân tài khoản vốn:	13,7	12,3	11,7
- FDI (ròng)	10,3	7,4	7,3
- Vay trung và dài hạn	1,1	4,8	2,5
- Vốn khác (ròng)	2,9	-0,1	0,4
- Đầu tư theo danh mục	-0,6	0,1	1,5
Lỗi và sai sót	-1,2	-13,1	0,0
Cán cân tổng thể	0,5	-8,8	2,7

Nguồn: Ngân hàng Thế giới (Kwakwa, 2010).

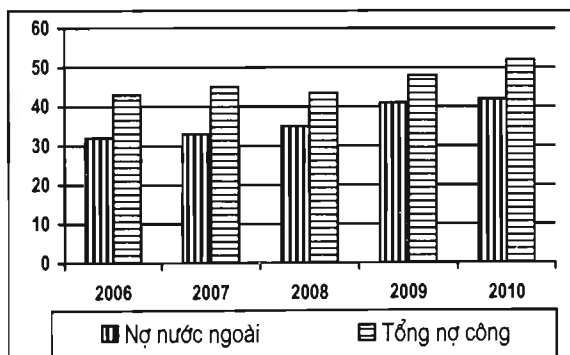
1.8. Nợ công

Đến năm 2010, nợ nước ngoài của Việt Nam ước khoảng 42,2% GDP và tổng nợ

công đã vượt quá 50% GDP. Theo phân tích của IMF (2010), Việt Nam vẫn ở mức rủi ro thấp của nợ nước ngoài nhưng cần lưu ý

rằng khoản nợ này chưa tính đến nợ của các doanh nghiệp nhà nước không được chính phủ bảo lãnh. Hơn nữa, vấn đề ở đây không chỉ là tỷ lệ nợ so với GDP, mà cả quy mô và tốc độ của nợ nước ngoài và nợ công của Việt Nam gần đây đều có xu hướng tăng mạnh. Nếu năm 2001, nợ công đầu người là 144 USD thì đến năm 2010 lên tới 600 USD, tốc độ tăng bình quân hàng năm khoảng 18%. Nợ công tăng nhanh trong khi thâm hụt ngân sách lớn và hiệu quả đầu tư công thấp đặt ra những lo ngại về tính bền vững của nợ cả trong ngắn hạn và dài hạn. Điều này cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết của việc cần tăng cường quản lý và giám sát nợ công một cách chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay ở Việt Nam.

HÌNH 5: Nợ công thời kỳ 2006-2010 (%GDP)



Nguồn: Ngân hàng Thế giới (Kwakwa, 2010)

2. Những thách thức của kinh tế Việt Nam năm 2011 và khuyến nghị chính sách

2.1. Những thách thức của kinh tế Việt Nam năm 2011

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2011 phụ thuộc vào ba yếu tố chính: tình hình kinh tế thế giới, sức mạnh nội tại và ổn định kinh tế vĩ mô trong nước và sự điều hành của Chính phủ. Tuy nhiên bên cạnh những thời cơ, thuận lợi thì cũng đặt ra nhiều thách thức cho cả ba yếu tố trên.

Trong ngắn hạn, năm 2011 sẽ tiếp tục chứng kiến sự phục hồi ở những nền kinh tế trên thế giới. Hoạt động đầu tư và thương

mại quốc tế sẽ được hồi phục nhanh hơn sau khi có sự phục hồi chậm trong năm 2010. Hơn nữa, Việt Nam vẫn được đánh giá là một trong những thị trường đầu tư hấp dẫn và nhiều doanh nghiệp đầu tư nước ngoài có kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh trong những năm tới. Những điều này tạo ra ảnh hưởng tích cực trực tiếp lên nền kinh tế Việt Nam để có thể duy trì tăng trưởng khả quan hơn trong năm 2011. Tuy nhiên, xuất khẩu của Việt Nam sẽ chịu thách thức lớn hơn, nhất là trong bối cảnh hậu khủng hoảng những rào cản thương mại mới ngày càng nhiều, với các hành vi bảo hộ thương mại tinh vi tại các thị trường lớn sẽ dành cho các mặt hàng xuất khẩu, nhất là các mặt hàng chủ lực của Việt Nam, như khoáng sản, nông, lâm, hải sản.

Đối với trong nước, những bất ổn vĩ mô và những yếu kém trong nội tại nền kinh tế sẽ trở thành thách thức lớn cho phát triển kinh tế năm 2011. Trước hết, những nhân tố tiềm ẩn lạm phát vẫn tiếp tục trong năm 2011. Đó là giá cả thị trường thế giới sẽ tăng khi kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi, chính sách điều chỉnh tăng lương vào tháng 5-2011 sẽ tạo ra tâm lý và lý do để thị trường tăng giá hàng hóa tiêu dùng, tỷ giá biến động, đầu tư công chưa hiệu quả và bội chi ngân sách tiếp tục gây sức ép lên lạm phát... Thứ hai, mặc dù tình trạng nhập siêu đã được cải thiện, nhưng chưa tạo được nền tảng vững chắc. Tình trạng này chắc chắn không dễ giải quyết trong ngắn hạn khi cơ cấu kinh tế kém hiệu quả, công nghiệp phụ trợ yếu kém và nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng còn phụ thuộc khá nặng nề vào nước ngoài. Thứ ba, bội chi ngân sách cũng là áp lực cần giải quyết. Với mức bội chi cao và nếu nguồn vốn bù đắp ngân sách chủ yếu từ thị trường vốn trong nước, mặt bằng lãi suất sẽ chịu áp lực của nhu cầu vốn, mà đầu tiên là lãi suất tiền gửi ngân hàng... Bội chi vẫn là thách thức khi chưa có những biện pháp nghiêm khắc và cụ thể để giải quyết thông qua việc nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước và tiết kiệm chi thường

xuyên. Trong bối cảnh thâm hụt, cơ cấu chi, hiệu quả chi và khả năng kiểm soát chi thể hiện dấu hiệu thiếu bền vững của ngân sách bởi các khoản chi tiêu của Chính phủ không tạo nên nguồn thu trong tương lai và gây sức ép cho bội chi mới. *Thứ tư*, đồng nội tệ sẽ tiếp tục bị áp lực giảm giá trong thời gian tới, vì lạm phát của Việt Nam luôn ở mức cao hơn so với khu vực và thế giới và NHNN không thể dùng dự trữ ngoại hối ít ỏi để can thiệp mạnh theo nhu cầu, vì cần ngoại tệ để giải quyết các nhu cầu thiết yếu khác. *Thứ năm*, những “nút thắt” của tăng trưởng kinh tế như cơ sở hạ tầng, trình độ nguồn nhân lực và cải cách hành chính vẫn chưa có sự chuyển biến rõ rệt. Điều này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến lòng tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, mà còn cản trở lớn đến tăng trưởng kinh tế theo hướng hiệu quả và bền vững trong năm 2011 và các năm tiếp theo.

Về điều hành kinh tế vĩ mô, hiện nay chúng ta dựa trên 3 công cụ chính để tác động đến nền kinh tế, đó là chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ và chính sách cán cân thanh toán. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa các chính sách đó còn lúng túng và thiếu linh hoạt. Nhiều chính sách mang nặng tính hành chính và thiếu kết hợp với các giải pháp dựa trên nguyên tắc thị trường. Hơn nữa, các cơ quan quản lý nhà nước còn đưa ra các giải pháp mang tính tình thế, giạt cục, thiếu sự minh bạch và nhất quán làm giảm lòng tin của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Năng lực dự báo yếu cộng với dự kiến các biện pháp ứng phó với diễn biến kinh tế thấp kém cũng là những hạn chế quản lý vĩ mô nền kinh tế.

2.2. Khuyến nghị chính sách

Năm 2011 có tầm quan trọng đặc biệt đối với phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, bởi đây là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011- 2015 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011- 2020. Đồng thời cũng là năm tiền đề để Việt Nam chuyển sang thực hiện

chương trình tái cấu trúc và chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nhằm nâng cao sức cạnh tranh và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế. Vì thế, cần có các giải pháp chính sách không chỉ cho năm 2011 mà còn cả trong những năm tiếp theo:

Thứ nhất, đặt ưu tiên vào ổn định kinh tế vĩ mô.

Nhiệm vụ điều hành ổn định kinh tế vĩ mô trong thời gian tới tiếp tục rất phức tạp và khó khăn, đòi hỏi Chính phủ và các cơ quan chức năng phải bám sát tình hình, có những chính sách, giải pháp chỉ đạo điều hành kịp thời và linh hoạt. Các định hướng chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ trong cả năm cần được công bố ngay từ đầu năm để cho người dân và doanh nghiệp được biết. Những dự kiến thay đổi cụ thể về chính sách ở từng thời điểm cụ thể trong năm chỉ nên công bố khi chắc chắn sẽ thực hiện. Cùng với thông tin về quyết định chính sách, các thông tin kinh tế vĩ mô (như nhập siêu, bội chi ngân sách, dự trữ ngoại hối, cán cân thanh toán, nợ quốc gia...) phải được công khai, minh bạch ở mức cần thiết để người dân và doanh nghiệp tránh bị động trong sản xuất kinh doanh. Cần có cơ chế phối hợp đồng bộ, toàn diện hơn nữa giữa các chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt là sự phối kết hợp chặt chẽ ngay từ khâu hoạch định chính sách tiền tệ, chính sách tài khoá, chính sách tỷ giá và các chính sách khác để giải quyết và đạt được các mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định thị trường ngoại tệ. Chính phủ cũng cần nâng cao năng lực dự báo và tăng cường phối hợp trao đổi thông tin giữa các cơ quan dự báo và cơ quan giám sát để đảm bảo thống nhất khi công bố.

Thứ hai, đảm bảo ổn định các cân đối vĩ mô.

Đối với vấn đề bội chi ngân sách, Chính phủ cần xác định rõ lộ trình và giải pháp cho việc giảm bội chi và tiến tới cân đối ngân sách một cách tích cực. Cần cải cách lại cơ chế cấp phát ngân sách và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi nhằm đảm bảo chi ngân

sách có hiệu quả. Chi ngân sách cần gắn liền với công khai, minh bạch và dân chủ. Xây dựng và áp dụng cơ chế thưởng phạt cũng như xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong quản lý, điều hành ngân sách nhà nước. Đối với vấn đề kiểm soát nhập siêu, cần đặt trong tổng thể của tất cả các chính sách từ chính sách tài khóa, tiền tệ đến chính sách tỷ giá, từ việc chuyển đổi cơ cấu xuất khẩu đến phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, vì nhập siêu bản chất là vấn đề cơ cấu kinh tế.

Thứ ba, thực hiện các giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng và hấp thụ vốn đầu tư của nền kinh tế.

Để thực hiện điều này, cần tập trung vào tái cơ cấu doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các DNNN, theo hướng rà soát lại hệ thống DNNN, kiên quyết cắt bỏ các DNNN làm ăn thua lỗ. Bên cạnh đó, cần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, đặc biệt là nguồn đầu tư từ ngân sách. Nghiên cứu lại việc phân bổ và sử dụng nguồn lực theo hướng nguồn lực cần phải được phân bổ đến những ngành có độ lan tỏa lớn, có giá trị gia tăng cao. Ưu tiên hỗ trợ những doanh nghiệp có phương án kinh doanh khả thi và những doanh nghiệp có khả năng tiếp cận được với công nghệ hiện đại, để giúp họ trang bị lại thiết bị, cải tiến công nghệ nhằm bắt kịp với nền sản xuất của thế giới.

Thứ tư, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh.

Khi cùng chung sống trong một môi trường kinh tế và chính sách kinh tế, các doanh nghiệp dù là doanh nghiệp nhà nước hay ngoài nhà nước cần có được sự bình đẳng như nhau về cơ hội kinh doanh. Hơn nữa, khi nền kinh tế ngày càng thị trường hóa sâu hơn đòi hỏi phải tách biệt giữa chức năng kinh doanh và chức năng hỗ trợ chính

sách kinh tế của khu vực doanh nghiệp nhà nước. Điều này sẽ vừa nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp này, vừa không gây ra những méo mó trong nền kinh tế. Ở khía cạnh khác, để tạo môi trường đầu tư minh bạch có tính cạnh tranh, cần tách biệt vai trò của Chính phủ là chủ sở hữu ra khỏi vai trò điều hành chính sách.

Thứ năm, để đảm bảo tăng trưởng trước mắt cũng như lâu dài cần giải quyết các “nút thắt” của nền kinh tế.

Các nút thắt cần tháo gỡ đó là: cơ sở hạ tầng và công nghiệp phụ trợ yếu kém; chất lượng nguồn nhân lực thấp; hệ thống tài chính còn bất ổn và mang tính đầu cơ; bộ máy hành chính công kênh, kém hiệu quả. Thực tế cho thấy, việc thực hiện các chính sách để giải quyết các “nút thắt” này luôn mang lại những tín hiệu tốt cho dài hạn và không làm méo mó toàn bộ nền kinh tế trong ngắn hạn. Do vậy, một khi nền kinh tế đã phục hồi trở lại, cần chuyển sang ưu tiên tập trung giải tỏa các “nút thắt” trên./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XII về tình hình kinh tế - xã hội năm 2010 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011.
2. Báo Đầu tư, Thời báo Kinh tế Việt Nam, Thời báo Kinh tế Sài Gòn năm 2010.
3. IMF, Vietnam – Joint IMF/World Bank debt sustainability analysis, 2010.
4. Lương Xuân Quỳ, Mai Ngọc Cường và Lê Quốc Hội, Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2009 và khuyến nghị cho năm 2010, Tạp chí Kinh tế và phát triển, số tháng 12 năm 2009.
5. Nguyễn Kế Tuấn và Ngô Thắng Lợi, Kinh tế Việt Nam năm 2009, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân năm 2010.
6. Số liệu thống kê hàng tháng của Tổng cục Thống kê trên website: <http://www.gso.gov.vn>.
7. Victoria Kwakwa, Vietnam's continued success in the post crisis world, the World Bank, 2010.